

Chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN của Liên bang Nga và định hướng hợp tác cho Việt Nam

PGS.TS Đỗ Hương Lan

Trường Đại học Ngoại thương

Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN) là một trong những hình thức của quan hệ kinh tế quốc tế. So với các hình thức lâu đời như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế hay di chuyển sức lao động quốc tế thì hợp tác quốc tế về KH&CN có thể coi là khá non trẻ. Tuy nhiên, sự phát triển và sức ảnh hưởng của hình thức này đến các mối quan hệ kinh tế quốc tế và đến sự phát triển kinh tế thế giới nói chung và kinh tế của từng quốc gia nói riêng trong bối cảnh toàn cầu hóa có thể nói là rất lớn, ngày càng thu hút sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia và các tổ chức quốc tế mà Liên bang (LB) Nga không là ngoại lệ. Bài viết phân tích một số điểm nổi bật trong chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN của LB Nga trong bối cảnh mới và đưa ra một số hướng hợp tác cho Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam tăng cường hợp tác toàn diện với LB Nga.

Những điểm nổi bật trong chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN của LB Nga trong bối cảnh mới

LB Nga là một quốc gia có tiềm lực về KH&CN. Hợp tác quốc tế về KH&CN được LB Nga coi là một hướng ưu tiên trong chính sách phát triển đất nước. Ngay từ năm 1992 (một năm sau khi Liên bang Xô Viết tan rã), LB Nga đã ký hàng loạt Hiệp định, hiệp ước đa phương trong khuôn khổ Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Với khu vực SNG, LB Nga vừa ký các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận chung về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN trong nội khối, đồng thời LB Nga cũng ký kết các thỏa thuận hợp tác song phương với các nước thành viên SNG. Theo thống kê từ năm 1992 đến 2009, số lượng các thỏa thuận về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN đã ký và còn hiệu lực đến thời điểm này của LB Nga (chỉ tính những thỏa thuận chung ở cấp chính phủ và bộ, không tính số thỏa thuận trong từng lĩnh vực, ngành nghề cụ thể) lên tới con số 73, trong đó có 13

thỏa thuận đa phương trong khuôn khổ SNG, 6 thỏa thuận được ký với các tổ chức quốc tế, còn lại là các thỏa thuận song phương. Những thỏa thuận này hiện được coi là những thỏa thuận nền tảng, mang tính khung pháp lý để ký kết những thỏa thuận cụ thể nhằm hiện thực hóa các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực KH&CN của LB Nga. Nếu xét về cơ sở pháp lý, các đối tác hợp tác về KH&CN của LB Nga trải rộng trên toàn cầu, trong đó hợp tác với khu vực SNG được triển khai mạnh mẽ với trên 20 thỏa thuận song phương và đa phương được ký kết, tiếp đó là Liên minh châu Âu (EU) với 17 thỏa thuận được ký kết, khu vực châu Á - Thái Bình Dương với 8 thỏa thuận được ký kết [1].

Mặc dù ngay sau khi tuyên bố độc lập, LB Nga đã xúc tiến ký kết các thỏa thuận hợp tác về KH&CN với các quốc gia, các tổ chức và các liên kết kinh tế khu vực, song hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN của Nga được chính thức thể chế hóa trong điều 16 của Luật Liên bang về

khoa học và chính sách khoa học ban hành ngày 23.8.1996 và được sửa đổi bổ sung ngày 2.11.2013, có hiệu lực từ 1.1.2014, theo đó những quy định về hợp tác quốc tế được coi là bộ phận cấu thành quan trọng của chính sách KH&CN quốc gia. Văn bản này đã đưa ra những nguyên tắc trong hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN của LB Nga với mục tiêu quan trọng là *phát triển nền KH&CN quốc gia, gia tăng hiệu quả của KH&CN và tăng cường vai trò của KH&CN trong phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của nền sản xuất trong nước*. Cũng theo quy định của văn bản này, "các cơ quan quản lý LB tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN. Chủ thể của hoạt động KH&CN được bình đẳng tham gia vào các tổ chức KH&CN quốc tế, tham gia các chương trình, dự án KH&CN quốc tế và các chương trình dự án KH&CN của các quốc gia khác, ký kết các thỏa thuận, hợp đồng với các pháp nhân nước ngoài ở trong

cũng như ngoài lãnh thổ Nga. Trên lãnh thổ Nga, cho phép thành lập các tổ chức KH&CN và các trung tâm KH&CN có sự tham gia của các pháp nhân cũng như các thể nhân nước ngoài. LB Nga khuyến khích hợp tác KH&CN với các nước trên cơ sở các thỏa thuận quốc tế của Nga cũng như trên cơ sở các chương trình, đề án KH&CN quốc tế. LB Nga cũng hỗ trợ mở rộng hợp tác về KH&CN của các nhà khoa học và các tổ chức KH&CN cũng như các tổ chức khác”.

Hợp tác quốc tế về KH&CN của LB Nga đến nay được coi là hướng ưu tiên quan trọng trong chính sách phát triển đất nước. Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế về KH&CN được LB Nga coi là phương thức quan trọng giúp đưa nước Nga hội nhập về KH&CN và hiện đại hóa nền kinh tế. Vì vậy, kể từ đầu thế kỷ XXI, Chính phủ Nga đã ban hành thêm hàng loạt văn bản pháp quy nhằm thúc đẩy hoạt động này, trong đó những văn bản chủ yếu gồm:

- Chính sách quốc gia LB Nga trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về KH&CN, phê duyệt năm 2000, áp dụng đến 2005 [2]. Tuy nhiên, văn bản này vẫn có hiệu lực đến bây giờ.

- Chính sách phát triển KH&CN của LB Nga đến năm 2010 và giai đoạn tiếp theo, số Pr-576, được phê chuẩn ngày 30.3.2002 [3].

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội LB Nga đến năm 2020, số 1662-r, được thông qua ngày 17.11.2008 [4].

- Chiến lược phát triển đổi mới, sáng tạo của LB Nga đến năm 2020, số 2227-r, được phê duyệt ngày 8.12.2011 [5].

Có thể nói, điểm nổi bật trong các chính sách điều tiết hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN của LB Nga sau năm 2000 là sự nhấn mạnh tới tầm quan trọng của yếu tố

“công nghệ” và “đổi mới - sáng tạo” (innovation) nhằm phục vụ phát triển kinh tế với các mục tiêu cơ bản gồm: đưa nước Nga đi theo hướng phát triển về innovation để biến nước Nga thành một mắt xích trong chuỗi đổi mới công nghệ của thế giới; tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm KH&CN Nga, tăng khả năng thương mại hóa sản phẩm KH&CN; gia tăng hàm lượng KH&CN trong hàng hóa và dịch vụ, đưa nước Nga gia nhập thị trường hàng hóa và dịch vụ KH&CN thế giới; tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về đổi mới công nghệ... Để giải quyết các mục tiêu này, chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN của Nga đưa ra các hình thức, cơ chế, định hướng hợp tác như sau:

- Về hình thức hợp tác, LB Nga chủ trương phát triển các hình thức hợp tác mới về KH&CN phù hợp với những thay đổi và yêu cầu mới dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, trong đó chú trọng đến các hình thức thương mại hóa sản phẩm KH&CN, đầu tư vào lĩnh vực KH&CN, chuyển giao công nghệ, trao đổi thông tin về KH&CN, trao đổi các nhà khoa học, các chuyên gia, đào tạo và hợp tác đào tạo chuyên gia KH&CN; tăng cường sự tham gia của các tổ chức, các nhà khoa học Nga vào các chương trình hợp tác về KH&CN song phương và đa phương, thành lập các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm cùng đối tác nước ngoài trên lãnh thổ Nga... Các hình thức hợp tác có thể được tổ chức linh hoạt và đa dạng trên cơ sở thỏa thuận đa phương hoặc song phương ở cấp nhà nước, bộ/ngành hoặc có thể trên cơ sở thỏa thuận trực tiếp giữa các chủ thể ở cấp vi mô như trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp... trong đó chú trọng phát triển hình thức hợp tác giữa các doanh nghiệp có vốn nhà nước để thực hiện các chương trình đổi mới sáng tạo và thành lập các trung tâm nghiên cứu - triển khai

trên lãnh thổ Nga.

- Về cơ chế hợp tác, việc hợp tác giữa Nga với các nước trong lĩnh vực KH&CN dựa theo cơ chế thương mại và phi thương mại. Trong “Quan điểm chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN của LB Nga” (2000), hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN theo cơ chế phi thương mại gồm chủ yếu là các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ các thỏa thuận liên nhà nước, liên chính phủ, liên bộ/ngành và dựa vào kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ khác từ các quỹ từ thiện... của các bên tham gia. Các hoạt động theo cơ chế này chủ yếu được thực hiện dưới các hình thức trao đổi thông tin và dữ liệu KH&CN, hợp tác triển khai nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, hỗ trợ kỹ thuật, các công việc khác trong lĩnh vực KH&CN theo thỏa thuận và tài trợ, các hoạt động trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế về KH&CN. Các hình thức trên sẽ do các tổ chức khoa học, hiệp hội các nhà khoa học và cá nhân các nhà khoa học của Nga với các nước thực hiện.

Hoạt động hợp tác về KH&CN theo cơ chế thương mại được LB Nga xác định chủ yếu trong lĩnh vực đổi mới và đổi mới công nghệ giữa khu vực nhà nước và tư nhân Nga với các nước trên cơ sở thỏa thuận song phương hoặc đa phương nhằm mục đích thu lợi nhuận. Các hình thức hợp tác theo cơ chế này là chuyển giao công nghệ, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các khu công nghệ, vườn ươm, khu kinh tế tự do, các khu thương mại hóa công nghệ của Nga cũng như hoạt động hợp tác đầu tư của Nga vào lĩnh vực KH&CN ở nước ngoài. Hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN theo cơ chế này có thể gắn bó mật thiết với hợp tác về kinh tế với mục tiêu đưa KH&CN tham gia vào các hoạt động hợp tác sản xuất, kinh doanh nhằm mục tiêu thu được lợi nhuận.



NHÌN RA THẾ GIỚI

nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái... Do đó, Nga có xu hướng đẩy mạnh hợp tác quốc tế về các lĩnh vực này theo các hình thức chuyển giao công nghệ hoặc cùng hợp tác triển khai ứng dụng tại nước ngoài

Một số hướng hợp tác Việt - Nga trong lĩnh vực KH&CN

Quan hệ hợp tác về KH&CN của Việt Nam và LB Nga là sự kế thừa quan hệ hợp tác của Việt Nam với Liên Xô. Sau khi Liên Xô tan rã và Nga tuyên bố độc lập, ngày 31.7.1992, Nga và Việt Nam đã ký Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực KH&CN, theo đó, hoạt động hợp tác về KH&CN giữa hai nước được tiến hành dưới các hình thức sau:

- Cùng tiến hành hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai.

- Cùng thành lập các phòng thí nghiệm, trung tâm KH&CN phục vụ sản xuất...

- Trao đổi chuyên gia trong lĩnh vực KH&CN.

- Trao đổi thông tin KH&CN, thiết bị, tài liệu, mẫu mã...

- Chuyển giao tri thức và kinh nghiệm KH&CN.

- Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, seminar, triển lãm KH&CN về những vấn đề mà cả hai cùng quan tâm.

- Các hình thức hợp tác khác do 2 bên tự thỏa thuận.

Hiệp định này cũng quy định về việc thành lập Hội đồng hợp tác về KH&CN Việt - Nga để phối hợp và theo dõi các hoạt động, chương trình hợp tác giữa các bên. Hiệp định này là một văn bản pháp lý khung tạo nền tảng cho hoạt động hợp tác về KH&CN giữa hai nước. Tiếp sau Hiệp định này, một số văn bản khác có đề cập tới hoạt động hợp tác về KH&CN như Hiệp định liên chính

- Định hướng hợp tác quốc tế về KH&CN vẫn sẽ dựa trên (i) các thể mạnh về KH&CN của Nga như thế mạnh trong nghiên cứu cơ bản ở nhiều lĩnh vực nhằm kiến tạo các tri thức khoa học mới; (ii) xuất phát từ những yêu cầu hiện đại hóa kinh tế, đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong phát triển kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghệ Nga trên thị trường thế giới. Do đó, các hướng hợp tác của Nga trong những năm tới sẽ là:

- + Đa dạng hóa hình thức hợp tác quốc tế theo hướng đẩy mạnh hội nhập KH&CN Nga với thế giới, chú trọng tới việc hình thành các trung tâm hội nhập quốc tế về KH&CN của Nga, tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học, doanh nghiệp Nga vào phân công lao động quốc tế trong lĩnh vực KH&CN, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học nước ngoài vào hoạt động hợp tác công bố kết quả nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN, tăng cường quảng bá thông tin về thành tựu KH&CN của Nga ra thế giới. Hình thức hợp tác khác nữa mà Nga rất quan tâm là hợp tác đào tạo nhân lực KH&CN và thừa nhận kết quả nghiên cứu KH&CN của nhau.

- + Đa dạng hóa, đa phương hóa hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN: *một là*, tăng cường hợp tác với các tổ chức kinh tế, khoa học quốc tế như Liên hợp quốc, UNIDO, UNESCO, WTO, WIPO, OECD, trong đó việc hợp tác với các tổ chức này sẽ hướng vào các nội dung cùng phối hợp xây dựng các nguyên tắc, chiến lược hội nhập về KH&CN, thiết lập hệ thống hợp tác toàn cầu về KH&CN phù hợp với lợi ích quốc

gia của Nga; *hai là*, bên cạnh các khu vực như EU, SNG, LB Nga chủ trương thúc đẩy hợp tác mạnh mẽ với các liên kết kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN theo hướng đẩy mạnh hợp tác về nghiên cứu, triển khai và thương mại hóa các sản phẩm công nghệ cao cũng như những hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng KH&CN; *ba là*, với các nước công nghiệp phát triển, Nga chủ trương tăng cường tiếp nhận công nghệ hiện đại từ các nước này để ứng dụng vào ngành công nghiệp trong nước nhằm sản xuất hàng thay thế hàng nhập khẩu, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm Nga, thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao trong nước; *bốn là*, với các nước đang phát triển, Nga chủ trương đẩy mạnh xuất khẩu công nghệ cao và hàng hóa dịch vụ có hàm lượng công nghệ sang các nước này; *năm là*, với các nước công nghiệp mới (NIC), Nga định hướng hợp tác trong việc thương mại hóa sản phẩm KH&CN và hợp tác để cùng đưa sản phẩm KH&CN ra thị trường thế giới; *sáu là*, với các nước SNG, việc hợp tác trong lĩnh vực đổi mới - sáng tạo sẽ được chú trọng và đẩy mạnh trong khuôn khổ không gian kinh tế và KH&CN chung của các nước SNG cũng như hợp tác song phương giữa Nga với các nước thành viên SNG khác.

- Về lĩnh vực hợp tác, Nga kỳ vọng dẫn đầu thế giới về sản xuất thiết bị hàng không vũ trụ, vật liệu composit, công nghệ nano, công nghệ vi sinh, phần mềm cũng như công nghệ trong các ngành năng lượng nguyên tử, thủy năng, các công nghệ hướng tới sử dụng hợp lý

phủ về hợp tác văn hóa và khoa học (1993), thừa nhận tương đương văn bằng (2010)...

Thời kỳ từ 1992 đến 2000, hoạt động hợp tác về KH&CN giữa hai nước bị suy giảm trong bối cảnh chung của sự giảm sút về hợp tác Việt - Nga trên nhiều mặt. Quan hệ này được khôi phục và bắt đầu có sự chuyển biến sau khi Tổng thống V.V Putin lên cầm quyền và ký sắc lệnh "Về các biện pháp thực hiện chính sách đối ngoại của LB Nga", trong đó lần đầu tiên đưa ra nhiệm vụ tăng cường quan hệ với Việt Nam - một trong những đối tác chiến lược của Nga ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Có thể nói, sự hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và LB Nga kể từ năm 2000 được đẩy mạnh trong bối cảnh mới - trong khuôn khổ thực hiện Hiệp định đối tác chiến lược (2001) và Hiệp định đối tác chiến lược toàn diện (2012). Sự hợp tác giữa hai bên được triển khai theo các hình thức, trong đó hợp tác KH&CN gắn liền với hợp tác kinh tế. Mô hình hợp tác về KH&CN Việt - Nga được duy trì từ thời Liên Xô cũ (1988) như Trung tâm nhiệt đới Việt - Nga hoạt động theo cơ chế mới (cùng đóng góp kinh phí như nhau giữa hai bên).

Có thể nói, những năm qua, hoạt động hợp tác về KH&CN của Nga tuy còn hạn chế, song đã có sự chuyển biến dần dần và đã khá đa dạng trên cơ sở các thỏa thuận song phương giữa các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp cũng như trên cơ sở các thỏa thuận ký kết giữa các bộ, ngành, song mức độ tập trung vẫn chủ yếu hướng vào những lĩnh vực như vũ trụ, năng lượng (dầu khí), đào tạo nguồn nhân lực KH&CN, nghiên cứu cơ bản trong một số lĩnh vực như sinh thái nhiệt đới, hải dương học, khoa học trái đất và biến đổi khí hậu... Trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn hợp tác giữa hai nước còn những hạn chế nhất định...

Căn cứ vào những chủ trương, định hướng trong chính sách KH&CN của Nga, trong những năm tới đây, Việt Nam và LB Nga có thể đẩy mạnh hợp tác về KH&CN theo một số hướng sau:

- Cơ chế hợp tác giữa hai bên vẫn sẽ là phi thương mại và thương mại, trong đó nâng cao tỷ lệ các hoạt động hợp tác theo cơ chế thương mại.

- Về hình thức hợp tác, tăng cường trao đổi các nhà khoa học, đưa các nhà khoa học Việt Nam sang Nga để tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, đào tạo nhân lực trên lãnh thổ Nga, đồng thời thu hút các nhà khoa học Nga vào Việt Nam; tăng cường trao đổi thông tin về thành tựu KH&CN của nhau, những nhu cầu và thế mạnh của mỗi bên. Sau một thời gian ngưng trệ trong quan hệ hợp tác, cả Nga và Việt Nam hiện đều là 2 thị trường còn nhiều điều lạ lẫm và mới mẻ đối với nhau, việc tăng cường trao đổi thông tin qua các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, triển lãm KH&CN là vô cùng cần thiết. Bên cạnh các hình thức nêu trên, định hướng về hình thức hợp tác trong những năm tới cần chú trọng là hoạt động thương mại hóa sản phẩm KH&CN trên thị trường của nhau trên cơ sở tìm ra thế mạnh và nhu cầu của mỗi bên.

- Các lĩnh vực hợp tác của Việt Nam và Nga sẽ tiếp tục là những lĩnh vực mà Nga có thế mạnh như hàng không vũ trụ, khoa học trái đất và biến đổi khí hậu, năng lượng (thủy điện, dầu khí, hạt nhân...), nghiên cứu cơ bản trong một số lĩnh vực. Song song với đó, hướng hợp tác cần đẩy mạnh là hợp tác về thương mại hóa sản phẩm KH&CN giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế, công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp và chế biến thực phẩm để tạo ra những sản phẩm an toàn, đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm cho xuất khẩu, đồng thời

bảo vệ sức khỏe của người dân. Hợp tác trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn giữa các tổ chức KH&CN như viện nghiên cứu, trường đại học cũng là hướng cần thúc đẩy trong thời gian tới để cùng tìm kiếm các cơ chế, chính sách giúp phát triển kinh tế cũng như các ngành khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn giữa hai nước.

- Hình thành các trung tâm hợp tác nghiên cứu và các trung tâm xúc tiến hợp tác để thúc đẩy hoạt động hợp tác về KH&CN giữa hai bên.

Hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và LB Nga trong thời gian tới sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết và triển khai thực thi Hiệp định thương mại tự do với Liên minh kinh tế Á - Âu mà LB Nga là thành viên. Tăng cường hợp tác KH&CN giữa hai nước sẽ không thể tách rời hợp tác về kinh tế và giúp nâng cao chất lượng của hoạt động hợp tác kinh tế. Không những thế, hợp tác về KH&CN giữa Việt Nam và LB Nga với mục đích phục vụ phát triển kinh tế của mỗi bên sẽ thúc đẩy hợp tác và hội nhập về KH&CN của Việt Nam với không gian chung về KH&CN và kinh tế của Liên minh kinh tế Á - Âu.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Khoa học LB Nga, Действующие международные соглашения о научно - техническом сотрудничестве, Moscow 2009.

[2] Chính sách quốc gia LB Nga trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về KH&CN, phê duyệt năm 2000, áp dụng đến 2005.

[3] Chính sách phát triển KH&CN của LB Nga đến năm 2010 và giai đoạn tiếp theo, số Pr-576, được phê chuẩn ngày 30.3.2002.

[4] Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của LB Nga đến năm 2020, số 1662-r, được thông qua ngày 17.11.2008.

[5] Chiến lược phát triển đổi mới, sáng tạo của LB Nga đến năm 2020, số 2227-r, được phê duyệt ngày 8.12.2011.